

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” (gọi tắt là Quyết định 131);

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng Khóa XIV về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết 07);

Căn cứ Công văn số 478/BGDĐT-CNTT ngày 16/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 03);

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo (GDĐT); đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDĐT; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

Thực hiện quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục gắn với phát triển các nền tảng, tài nguyên số dùng chung góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

Chuyển đổi số trong GDĐT cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các cơ sở giáo dục

và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi giáo viên và toàn xã hội.

2. Yêu cầu

Nội dung Kế hoạch phải có trọng tâm, trọng điểm, từng bước, theo lộ trình và bảo đảm hiệu quả, lấy người học và giáo viên là trung tâm của quá trình chuyển đổi số.

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tận dụng và phát huy những tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi giáo viên và người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi giáo viên có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến: Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh có kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông. Hơn 50% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học và 10% ở bậc trung học. Tỷ trọng lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đạt trung bình 20%.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục sử dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% người học, 100% giáo viên được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

- + 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Duy trì các nền tảng đồng bộ với Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo thiết lập và vận hành, trong đó:

+ Kết nối thông suốt hệ thống Cơ sở dữ liệu toàn ngành với Hệ thống quản trị nhà trường, đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó, tại Sở Giáo dục và Đào tạo hồ sơ công việc đạt 90%; tại Phòng GDĐT hồ sơ công việc đạt 80%; tại các trường trung học phổ thông hồ sơ công việc đạt 70%; tại các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non hồ sơ công việc đạt 60% được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán phí, lệ phí);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ, đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục, đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục, đạt trung bình 80%.

3. Mục tiêu dự kiến đến năm 2030

- Xây dựng nền tảng dạy và học trực tuyến của tỉnh tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và giáo viên tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

- Giáo dục đại học số trở thành một trụ cột của hệ thống giáo dục đại học, chiếm tỉ trọng 30% qui mô; 100% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của tỉnh được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô

hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

b) Đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; Hình thành, phát triển hệ thống phòng học thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành hiện đại.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy, học: Triển khai thí điểm các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của địa phương.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung:

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử, trung tâm học liệu, cơ sở lưu trữ, từ đó hình thành thư viện số, trung tâm lưu trữ tài nguyên số kết nối hiệu quả trên nền tảng Internet trong một số cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục.

- Áp dụng một số nền tảng mạng xã hội phổ biến (như Zalo, Facebook...) để chia sẻ trao đổi, thông tin, chia sẻ học liệu.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý GDĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng tăng cường áp dụng hiệu quả công nghệ số.

- Rà soát, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lĩnh vực GDĐT áp dụng lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số và đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ, thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, thống kê giáo dục và hệ thống thông tin quản lý GDĐT

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cập nhật báo cáo thống kê giáo dục đúng tiến độ trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành (IOC) ngành Giáo dục của các cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục; các cơ sở giáo dục triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và người học.

- Triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

- Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục.

- Thực hiện số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường theo nền tảng, định hướng và triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học

- Nhận thức vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng và cơ hội của ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GDĐT đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành Giáo dục

và xã hội.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục.

- Tổ chức đào tạo giáo viên dạy các hoạt động giáo dục liên quan đến tin học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kỹ thuật và nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông về phương pháp và tổ chức triển khai chương trình STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức về công nghệ thông tin để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực GDĐT.

- Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong GDĐT, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, thư viện số, tuyển sinh đầu cấp, hồ sơ điện tử.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

- Rà soát, ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành Giáo dục trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong và ngoài ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; triển khai các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối

hàng năm theo Đề án số 03, kinh phí từ nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

(Chi tiết nội dung, nguồn kinh phí tại phụ lục kèm theo Kế hoạch)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; xây dựng lộ trình, thời gian định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc cần đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xem xét, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh gắn với các nội dung của Kế hoạch thực hiện Đề án 131 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hỗ trợ các địa phương,

cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục.

- Chủ trì trong công tác truyền thông và chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn hỗ trợ, có chính sách ưu đãi đối với chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động giáo dục; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu số.

- Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai Kế hoạch.

- Phối hợp với ngành giáo dục trong việc bảo đảm an toàn, liên thông các nền tảng cơ sở dữ liệu của ngành với nền tảng dữ liệu do Bộ Công an quản lý.

6. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương. Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch trong các chương trình, đề án, kế hoạch để thực hiện trong phạm vi, quyền hạn được giao.

- Có giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm điều kiện chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý.

Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Diễm Ngọc

Phụ lục

Danh mục các nhiệm vụ, dự kiến kinh phí triển khai Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ	Trường	Số trường	Thời gian thực hiện	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
1	Triển khai thí điểm chữ ký số cho giáo viên ngành Giáo dục	THCS; THPT	109; 39	2023-2025	975	975	975	2.925
2	Tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	THPT	39	2023-2025	390	390	390	1.170
3	Hệ thống điểm danh bằng công nghệ nhận diện (AI)	THPT	39	2023-2025	390	390	390	1.170
4	Kho học liệu và thư viện số	THPT	39	2023-2025	390	390	390	1.170
5	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh ngành giáo dục tỉnh	Cơ sở quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục		2023-2025	3.000	1.000	1.000	5.000
	Tổng cộng				5.145	3.145	3.145	11.435

Lưu ý: Nguồn kinh phí thực hiện theo Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng, từ nguồn đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh.